

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày: 02-01-2025

V/v: Tranh chấp hợp mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm;

Bà Huỳnh Anh Thư.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 157/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vương Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/8/2024). Có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH TV; địa chỉ: khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Du XuanQ – Chức danh: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2020 đến 2023 Công ty TNHH T (nguyên đơn) và Công ty TNHH TV (bị đơn) có ký với nhau 03 hợp đồng mua bán, mặt hàng là Ván lạng gồm: Hợp đồng số 02/2020-TS ngày 02/01/2020; Hợp đồng số 03/2021-TS ngày 02/01/2021 và Hợp đồng số 04/2022-TS ngày 02/01/2022. Hợp đồng đều được lập bằng văn bản và được người đại diện theo pháp luật của hai bên ký tên, đóng dấu.

Sau khi hai bên ký hợp đồng, căn cứ theo yêu cầu đặt hàng của bị đơn thì nguyên đơn đã tiến hành giao tổng số ván lạng có tổng giá trị là 13.323.635.770 đồng (bao gồm thuế VAT) và nguyên đơn đã xuất tổng cộng 30 hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn, cụ thể:

Trong năm 2020, nguyên đơn đã giao tổng số hàng hóa là ván lạng có giá trị là 6.943.758.331 đồng (đã xuất 10 hóa đơn VAT), bị đơn đã thanh toán 4.982.992.608 đồng, cụ thể:

+ Hóa đơn số 15 ngày 28/02/2020 là 598.781.981 đồng đã thanh toán hai lần vào ngày 02/11/2020 thanh toán 398.781.981 đồng và ngày 20/11/2020 thanh toán 200.000.000 đồng.

+ Hóa đơn số 51 ngày 31/03/2020 là 350.255.446 đồng đã thanh toán vào ngày 05/10/2020.

+ Hóa đơn số 87 ngày 30/05/2020 là 60.853.070 đồng đã thanh toán vào ngày 20/11/2020.

+ Hóa đơn số 104 ngày 26/06/2020 là 222.799.998 đồng đã thanh toán vào ngày 21/12/2020.

+ Hóa đơn số 142 ngày 31/07/2020 là 1.142.519.606 đồng đã thanh toán 3 lần vào các ngày: 05/02/2021 thanh toán 342.519.606 đồng; 11/03/2021 thanh toán 500.000.000 đồng và 31/03/2021 thanh toán 300.000.000 đồng.

+ Hóa đơn số 169 ngày 28/08/2020 là 1.211.488.893 đồng đã thanh toán 3 lần vào các ngày: 17/05/2021 thanh toán 300.000.000 đồng; 05/07/2021 thanh toán 411.488.893 đồng và 18/10/2021 thanh toán 500.000.000 đồng.

+ Hóa đơn số 196 ngày 25/09/2020 là 759.947.117 đồng đã thanh toán 02 lần vào ngày 08/03/2022 thanh toán 500.000.000 đồng và 23/06/2022 thanh toán 259.947.117 đồng.

+ Hóa đơn số 248 ngày 27/10/2020 là 1.024.346.497 đồng đã thanh toán được số tiền 636.346.497 đồng (cụ thể các lần thanh toán: 10/10/2022 thanh toán 100.000.000 đồng; 24/04/2023 thanh toán 64.346.497 đồng; 24/05/2023 60.000.000 đồng; 29/06/2023 thanh toán 82.000.000 đồng; 04/08/2023 thanh toán 130.000.000

đồng; 03/10/2023 thanh toán 100.000.000 đồng và 13/03/2024 thanh toán 100.000.000 đồng) và còn nợ lại số tiền 388.000.000 đồng.

Số tiền mua hàng của năm 2020, bị đơn còn nợ lại số tiền chưa thanh toán là 1.960.765.723 đồng và thuộc các hóa đơn số 0000248 ngày 27/10/2020 (hóa đơn này đã thanh toán 636.346.497 và còn nợ 388.000.000 đồng, hóa đơn số 0000273 ngày 24/11/2024 và hóa đơn số 0000309 ngày 26/12/2020.

Trong năm 2021, nguyên đơn đã giao tổng số hàng hóa là ván lạng có giá trị là 4.193.444.740 đồng và đến nay vẫn chưa thanh toán. Căn cứ theo số lượng hàng hóa đã giao thì nguyên đơn đã xuất 10 hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng cho bị đơn, cụ thể các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000336 ngày 26/01/2021; 0000273 ngày 26/01/2021; 0000399 ngày 29/03/2021; 0000425 ngày 26/04/2021; 0000464 ngày 27/05/2021; 0000501 ngày 29/06/2021; 0000528 ngày 26/10/2021; 0000544 ngày 21/10/2021; 0000579 ngày 27/11/2021 và 0000608 ngày 28/12/2022.

Trong năm 2022 nguyên đơn đã giao tổng số hàng hóa là ván lạng có giá trị là 1.596.385.434 đồng và hiện nay vẫn chưa thanh toán. Căn cứ theo số lượng hàng hóa đã giao thì nguyên đơn đã xuất 7 hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng cho bị đơn, cụ thể các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000633 ngày 27/01/2022; 0000662 ngày 28/02/2022; 0000674 ngày 26/03/2022; 17 ngày 28/04/2022; 48 ngày 31/05/2022; 81 ngày 29/06/2022 và 103 ngày 26/07/2022.

Việc mua bán trong năm 2023 các bên không lập hợp đồng nhưng hai bên thực hiện như nội dung các hợp đồng đã ký các năm trước. Cụ thể trong năm 2023 nguyên đơn đã giao tổng số hàng hóa là ván lạng có giá trị là 590.047.265 đồng và đến nay vẫn chưa thanh toán. Căn cứ theo số lượng hàng hóa đã giao thì nguyên đơn cũng đã xuất 3 hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng cho bị đơn, cụ thể các hóa đơn giá trị gia tăng số: 151 ngày 27/06/2023; 191 ngày 26/07/2023 và 306 ngày 25/10/2023.

Tính đến thời điểm hiện nay, bị đơn chỉ mới thanh toán được tổng cộng số tiền là 4.982.992.608 đồng bằng chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho nguyên đơn và còn nợ lại số tiền 8.340.643.162 đồng chưa thanh toán.

Theo điều 3 của các hợp đồng năm 2020; 2021 và 2023 đều quy định thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Đối với số lượng hàng hóa đã giao nguyên đơn đều xuất hóa đơn đầy đủ cho bị đơn theo quy định của pháp luật về thuế và nguyên đơn cũng đã thực hiện việc báo cáo, kê khai thuế và nộp thuế theo quy định đối với tất cả các hóa đơn đầu ra đã xuất cho bị đơn tại Chi cục thuế khu vực Tân Uyên.

Tại Điều 3 của các hợp đồng, có quy định về thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn và nếu bị đơn không thanh toán đúng hạn sẽ phải chịu mức phạt 0,02%/ ngày trên tổng số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn. Như vậy, việc bị đơn không thanh toán số tiền 8.340.643.162 đồng theo các hóa đơn mà nguyên

đơn đã xuất đúng hạn là vi phạm Điều 3 của hợp đồng và gây thiệt hại cho nguyên đơn. Nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn ngoài việc thanh toán tiền mua hàng còn nợ thì còn phải chịu mức phạt lãi suất do chậm thanh toán là 0,02%/ngày tức là 0.6%/tháng đối với số tiền còn nợ.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc bị đơn Công ty TNHH TV có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty TNHH T tổng số tiền là: 10.232.967.060 đồng, trong đó bao gồm:

Tiền mua hàng còn nợ là: 8.340.643.162 đồng;

Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày vi phạm tới ngày 31/12/2024 với lãi suất 0.6%/ tháng là: 1.892.323.898 đồng, cụ thể:

STT	Số, ngày hóa đơn	Thành tiền (gồm VAT) ĐV: VNĐ	Đã thanh toán ĐV: VNĐ	Còn lại phải thanh toán ĐV: VNĐ	Lãi suất chậm thanh toán là 0,6%/tháng ĐV: VNĐ	Thời gian tính lãi sau 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn đến ngày 31/12/2024
1	15 28/02/2020	598.781.981	598.781.981	0		
2	51 31/03/2020	350.255.446	350.255.446	0		
3	87 30/05/2020	60.853.070	60.853.070	0		
4	104 26/06/2020	222.799.998	222.799.998	0		
5	142 31/07/2020	1.142.519.606	1.142.519.606	0		
6	169 28/08/2020	1.211.488.893	1.211.488.893	0		
7	196 25/09/2020	759.947.117	759.947.117,000	0		
8	248 27/10/2020	1.024.346.497	636.346.497	388.000.000	111.744.000	Từ ngày 01/01/2021 (48 tháng)
9	273 24/11/2020	703.538.624	-	703.538.624	198.397.891	Từ ngày 01/02/2021 (47 tháng)
10	309 26/12/2020	869.227.099	-	869.227.099	239.906.679	Từ ngày 01/03/2021 (46 tháng)
11	336 26/01/2021	612.285.612	-	612.285.612	165.317.115	Từ ngày 01/04/2021 (45 tháng)
12	373 26/02/2021	269.155.488	-	269.155.488	71.057.048	Từ ngày 01/05/2021 (44 tháng)
13	399 29/03/2021	779.355.746	-	779.355.746	201.073.782	Từ ngày 01/06/2021 (43 tháng)
14	425 26/04/2021	347.589.158	-	347.589.158	87.592.467	Từ ngày 01/07/2021 (42 tháng)
15	464 27/05/2021	492.496.102	-	492.496.102	121.154.041	Từ ngày 01/08/2021 (41 tháng)

						tháng)
16	501 29/06/2021	99.134.912	-	99.134.912	23.792.378	Từ ngày 01/09/2021 (40 tháng)
17	528 16/10/2021	182.482.086	-	182.482.086	39.416.130	Từ ngày 01/01/2022 (36 tháng)
18	544 21/10/2021	165.826.889	-	165.826.889	35.818.608	Từ ngày 01/01/2022 (36 tháng)
19	579 27/11/2021	583.563.108	-	583.563.108	122.548.252	Từ ngày 01/02/2022 (35 tháng)
20	608 28/12/2021	661.555.639	-	661.555.639	134.957.350	Từ ngày 01/03/2022 (34 tháng)
21	633 27/01/2022	240.718.319	-	240.718.319	47.662.227	Từ ngày 01/04/2022 (33 tháng)
22	662 28/02/2022	71.002.319	-	71.002.319	13.632.445	Từ ngày 01/05/2022 (32 tháng)
23	674 26/03/2022	291.272.796	-	291.272.796	54.176.740	Từ ngày 01/06/2022 (31 tháng)
24	17 28/04/2022	577.156.534	-	577.156.534	103.888.176	Từ ngày 01/07/2022 (30 tháng)
25	48 31/05/2022	71.107.824	-	71.107.824	12.372.761	Từ ngày 01/08/2022 (29 tháng)
26	81 29/06/2022	273.424.975	-	273.424.975	45.935.395	Từ ngày 01/09/2022 (28 tháng)
27	103 26/07/2022	71.702.667	-	71.702.667	11.615.832	Từ ngày 01/10/2022 (27 tháng)
28	151 27/06/2023	126.076.405	-	126.076.405	12.103.334	Từ ngày 01/09/2023 (16 tháng)
29	191 26/07/2023	264.185.902	-	264.185.902	23.776.731	Từ ngày 01/10/2023 (15 tháng)
30	306 25/10/2023	199.784.958	-	199.784.958	14.384.516	Từ ngày 01/01/2024 (12 tháng)
TỔNG CỘNG		13.323.635.770	4.982.992.608	8.340.643.162	1.892.323.898	
				10.232.967.060		

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ cho bị đơn, triệu tập nhiều lần nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH TV không có mặt, không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.232.967.060 đồng (Mười tỷ hai trăm ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 8.340.643.162 đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 1.892.323.898 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng mua bán hàng hoá, đây là tranh chấp giữa hai chủ thể kinh doanh là thương nhân và đều nhằm mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo hợp đồng hai bên giao kết, các bên có thoả thuận nếu phát sinh tranh chấp thì đưa lên Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên nơi có trụ sở bị đơn giải quyết. Bị đơn có trụ sở tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn tham gia phiên tòa lần thứ hai theo quy định nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn tiếp tục vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ

án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 03 Hợp đồng mua bán gồm: Hợp đồng số 02/2020-TS ngày 02/01/2020; Hợp đồng số 03/2021-TS ngày 02/01/2021 và Hợp đồng số 04/2022-TS ngày 02/01/2022 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn với nội dung là nguyên đơn cung cấp cho bị đơn hàng hoá là ván lạng. Qui cách, số lượng sẽ được thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng của bị đơn. Về hình thức thanh toán, thì nguyên đơn sẽ xuất hoá đơn tài chính cho bị đơn, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn cho bị đơn, chuyển khoản thì sẽ chuyển vào số tài khoản của nguyên đơn quy định trong hợp đồng. Do đó, Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán: Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao đầy đủ hàng hoá theo các đơn đặt hàng của bị đơn và nguyên đơn đã xuất các hoá đơn giá trị gia tăng số: 0000015 ngày 28/02/2020; 0000051 ngày 31/03/2020; 0000087 ngày 30/05/2020; 0000104 ngày 26/06/2020; 0000142 ngày 31/07/2020; 0000169 ngày 28/08/2020; 0000196 ngày 25/09/2020; 0000248 ngày 27/10/2020; 0000273 ngày 24/11/2024; 0000309 ngày 26/12/2020; 0000336 ngày 26/01/2021; 0000273 ngày 26/01/2021; 0000399 ngày 29/03/2021; 0000425 ngày 26/04/2021; 0000464 ngày 27/05/2021; 0000501 ngày 29/06/2021; 0000528 ngày 26/10/2021; 0000544 ngày 21/10/2021; 0000579 ngày 27/11/2021 và 0000608 ngày 28/12/2022; 0000633 ngày 27/01/2022; 0000662 ngày 28/02/2022; 0000674 ngày 26/03/2022; 17 ngày 28/04/2022; 48 ngày 31/05/2022; 81 ngày 29/06/2022 và 103 ngày 26/07/2022; 151 ngày 27/06/2023; 191 ngày 26/07/2023 và 306 ngày 25/10/2023 với tổng số tiền là 13.323.635.770 đồng.

Tuy nhiên, sau khi nhận hàng bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn 4.982.992.608 đồng. Việc thanh toán được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản cho bị đơn thông qua số tài khoản 65010003079478 của nguyên đơn được quy định tại hợp đồng, do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp như sau: Hóa đơn số 0000015 ngày 28/02/2020 là 598.781.981 đồng đã thanh toán hai lần vào ngày 02/11/2020 thanh toán 398.781.981 đồng và ngày 20/11/2020 thanh toán 200.000.000 đồng. Hóa đơn số 0000051 ngày 31/03/2020 là 350.255.446 đồng đã thanh toán vào ngày 05/10/2020. Hóa đơn số 0000087 ngày 30/05/2020 là 60.853.070 đồng đã thanh toán vào ngày 20/11/2020. Hóa đơn số 0000104 ngày 26/06/2020 là 222.799.998 đồng đã thanh toán vào ngày 21/12/2020. Hóa đơn số 0000142 ngày 31/07/2020 là 1.142.519.606 đồng đã thanh toán 3 lần vào ngày 05/02/2021 thanh toán 342.519.606 đồng, ngày 11/03/2021 thanh toán 500.000.000

đồng và ngày 31/03/2021 thanh toán 300.000.000 đồng. Hóa đơn số 0000169 ngày 28/08/2020 là 1.211.488.893 đồng đã thanh toán 3 lần vào ngày 17/05/2021 thanh toán 300.000.000 đồng, ngày 05/07/2021 thanh toán 411.488.893 đồng và ngày 18/10/2021 thanh toán 500.000.000 đồng. Hóa đơn số 0000196 ngày 25/09/2020 là 759.947.117 đồng đã thanh toán 02 lần vào ngày 08/03/2022 thanh toán 500.000.000 đồng và ngày 23/06/2022 thanh toán 259.947.117 đồng. Hóa đơn số 0000248 ngày 27/10/2020 là 1.024.346.497 đồng đã thanh toán được 636.346.497 đồng, vào các ngày 10/10/2022 thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 24/04/2023 thanh toán 64.346.497 đồng, ngày 24/05/2023 60.000.000 đồng, ngày 29/06/2023 thanh toán 82.000.000 đồng, ngày 04/08/2023 thanh toán 130.000.000 đồng, ngày 03/10/2023 thanh toán 100.000.000 đồng và ngày 13/03/2024 thanh toán 100.000.000 đồng.

Hiện nay, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền hàng theo các hoá đơn còn lại là 8.340.643.162 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 8.340.643.162 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tới ngày 31/12/2024 với lãi suất 0.6%/ tháng là 1.892.323.898 đồng (kèm theo bảng kê chi tiết tính lãi). Xét thấy, Hợp đồng mua bán đã ký giữa các bên thoả thuận lãi suất chậm thanh toán là 0,02%/ngày, tương đương 0,6%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu thanh toán với mức lãi suất nêu trên là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền 1.892.323.898 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn không tham gia tố tụng là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng được pháp luật quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không trực tiếp tham gia tố tụng, bị đơn cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù biết rõ nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của mình. Điều này cho thấy bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc cho hậu quả pháp lý có thể xảy ra. Xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 233, Điều 227, Điều 228, Điều 257, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 của Luật thương mại;**

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH TV.

- Buộc Công ty TNHH TV phải thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền số tiền 10.232.967.060 đồng (Mười tỷ hai trăm ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 8.340.643.162 đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 1.892.323.898 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH TV phải chịu 118.232.967 đồng (Một trăm mười tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH T 58.875.000 đồng (Năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004324 ngày 27/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan